

ĐỌC BÀI THƠ “HỌC ĐÁNH CỜ” CỦA HỒ CHÍ MINH, NGHĨ VỀ XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA TẠI CHỖ Ở NAM BỘ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Đại tá PGS.TS. HỒ SƠN ĐÀI
Trưởng phòng KH,CN-MT Quân Khu 7

“Nhật ký trong tù” của Hồ Chí Minh không chỉ là một tác phẩm văn học xuất sắc mà còn là một văn kiện quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ở thập niên 40 của thế kỷ trước. Nhiều bài thơ trong “Nhật ký trong tù” chứa đựng tư tưởng lớn của Người về đường lối cách mạng, về nghệ thuật quân sự trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc. “Học đánh cờ” (Học dịch kỳ) là một trong những bài thơ như thế. Ở đó, trong nhiều luận điểm về phương pháp tiến hành chiến tranh cách mạng, Hồ Chí Minh đề cập đến vấn đề tiến công và phòng thủ hết sức sâu sắc. Nhân đọc bài “Học đánh cờ”, bài viết này nhìn lại lịch sử xây dựng căn cứ địa – hậu phương cách mạng tại chỗ ở Nam Bộ – nơi “*tiên có thể đánh và phát triển lực lượng, lui có thể đứng và giữ gìn lực lượng*”¹ như những vần thơ của Người:

*Phải nhìn cho rộng suy cho kỹ
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí
Gặp thời, một tốt cũng thành công.*

Lịch sử cách mạng Việt Nam trong ba phần tư thế kỷ qua gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng của Người soi đường cho nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự vận

dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của đất nước. Nó bao gồm một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó có vấn đề xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng trong đấu tranh vũ trang giành và giữ chính quyền, vấn đề xây dựng hậu phương, xây dựng căn cứ địa trong khởi nghĩa và tiến hành chiến tranh cách mạng. Chấp hành sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện lời dạy của Người, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, quân và dân Nam Bộ đã nỗ lực xây dựng và phát triển căn cứ địa cách mạng, tạo nên một hệ thống căn cứ – hậu phương tại chỗ – nhân tố có ý nghĩa quan trọng góp phần làm nên thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, nhân dân Nam Bộ vùng lên kháng chiến, ngày 29-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào Nam Bộ, Người khẳng định: “*Vì công lý, cuộc kháng chiến tự vệ của dân tộc ta phải toàn thắng. Quân Pháp đi đến đâu sẽ gặp cảnh đông không nhà vắng, không người, không lương thực. Chúng ta quyết không cộng tác với chúng, không chịu sống chung với lũ thực dân Pháp*”².

Trước sức mạnh áp đảo của địch, các tổ chức kháng chiến và đơn vị vũ trang cách mạng, sau khi anh dũng chiến đấu ngăn chặn bước chân xâm lược của địch, đã rút ra khỏi các thành phố, thị xã, làng mạc tìm chỗ đứng chân, xây dựng lực lượng mọi mặt chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Từng bước, các căn cứ địa kháng chiến thành lập. Đó là các chiến khu An Phú Đông, Rừng Sác, Vườn Thơm – Bà Vụ, chiến khu Đ, Đông Thành ở miền Đông; Đồng Tháp Mười, Long Hưng, Hòa Tú, Cù Lao Bảo, Cù Lao Minh... ở miền Trung; U Minh Thượng, U Minh Hạ, rừng đước Năm Căn, Đầm Dơi, Mỹ Phước, Bà Ai, Cai Giăng ở miền Tây Nam Bộ. Tại đây, tổ chức Đảng, chính quyền và các mặt trận cứu quốc các cấp được củng cố và phát triển hệ thống, trở thành trung tâm kháng chiến của từng địa phương, từng vùng, toàn miền. Cũng tại đây, các đơn vị vũ trang nhỏ lẻ, phân tán tiến hành sàng lọc, thống nhất lại, thành lập các chi đội Vệ quốc đoàn, hình thành các hệ thống tổ chức các đơn vị vũ trang tập trung trên toàn Nam Bộ.

Cuộc kháng chiến phát triển với cường độ ngày một cao hơn. Từ những căn cứ địa ban đầu, hàng loạt căn cứ địa mới tiếp tục hình thành. Ở miền Đông, đó là các chiến khu Tây – Minh Đạm, Trà Vinh – Dương Minh Châu, Thuận An Hòa, Long Nguyên, Bình Mỹ, Khu 5 Hóc Môn, địa đạo Phú Thọ Hòa, địa đạo Long Phước, Xuyên Phước Cơ. Ở Trung Nam Bộ, có các huyện giải phóng Trà Cú, Càng Long, vùng căn cứ dọc sông Tiền từ sông Cổ Chiên tới sát Cái Sơn, vùng căn cứ liên hoàn từ Mỏ Cày đến Thạnh Phú, Ba Tri và một phần của Giồng Trôm, Châu Thành của Bến Tre. Và ở miền Tây Nam Bộ là các căn cứ Bạc Liêu, khu vực căn cứ giáp Hà Tiên – Rạch Giá. Đồng Tháp Mười trở thành “thủ đô”

kháng chiến của Nam Bộ. Các căn cứ địa giờ đây, không chỉ đơn thuần là khu vực đứng chân của các tổ chức kháng chiến và lực lượng vũ trang từ miền xuống tỉnh, huyện mà còn là nơi để xây dựng tiềm lực cuộc kháng chiến cả về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội.

Từ cuối năm 1949, quân và dân cả nước chuẩn bị “chuyển mạnh sang tổng phản công”. Tại chiến trường Nam Bộ, thực dân Pháp tập trung bình định, đẩy mạnh công cuộc xâm lược trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, thực hiện “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “dùng người Việt đánh người Việt”. Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị cho Nam Bộ cần đẩy mạnh củng cố tổ chức lại căn cứ địa, vì “địa hình Nam Bộ không thuận tiện đánh du kích bằng Bắc Bộ không thuận lợi cho việc thiết lập căn cứ địa tương đối an toàn.... Đến giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến, địch sẽ dồn quân vào Nam nhiều hơn thì Đồng Tháp Mười và U Minh sẽ không an toàn lắm cho ta đóng quân”³. Tiếp đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp – Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra huấn lệnh cho Nam Bộ: “Trước hết cần chú trọng Đồng Tháp Mười và vùng tự do Khu 9: củng cố cơ sở nhân dân, kiện toàn bộ đội địa phương và dân quân du kích, tổ chức việc trừ gian, phòng gian, nghi binh. Giáo dục bí mật cho quân đội và nhân dân và chuẩn bị kế hoạch đối phó khi địch tấn công.... Những căn cứ ở miền Đông Khu 7 cũng phải được chú ý, chú trọng khuếch trương cơ sở lên phía Tây Nguyên, trong đồng bào dân tộc thiểu số và thực hiện việc phối hợp hoạt động với Nam Trung Bộ.”³.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, Xứ ủy và Bộ Tư lệnh Nam Bộ chỉ đạo tổ chức lại hệ thống căn cứ địa, chuyển các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo (Xứ ủy, Ủy ban Kháng

chiến hành chánh, Bộ Tư lệnh Nam Bộ) cùng một số cơ quan đơn vị trực thuộc từ Đồng Tháp Mười xuống U Minh. U Minh trở thành căn cứ địa chính của Nam Bộ. Nhiều căn cứ địa được tách ra thành một đơn vị hành chính độc lập như huyện căn cứ Đồng Nai, huyện căn cứ Dương Minh Châu, tỉnh căn cứ Đồng Tháp, tỉnh căn cứ Bạc Liêu. Các hành lang giao thông được thiết lập giữa các căn cứ địa trong từng vùng, nhất là từ chiến khu về các đô thị, làng mạc tạm bị chiếm, và giữa các vùng từ miền Tây lên miền Đông Nam Bộ. Khắp các chiến khu, công tác phòng thủ, bảo vệ được đề ra nghiêm ngặt nhằm chống các cuộc hành quân càn quét lớn và hành động đột kích bằng các toán biệt kích nhỏ của địch, chống gián điệp thâm nhập và chống chiến tranh tâm lý. Chính sách kinh tế tài chính kháng chiến được thực hiện rộng rãi. Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ phát hành giấy bạc Việt Nam (gọi là giấy bạc Cự Hồ), quy định quan hệ thương mại mậu dịch. Nông dân được tạm cấp ruộng đất hăng hái sản xuất và đóng thuế nông nghiệp. Các xưởng sửa chữa vũ khí, sản xuất lựu đạn và nhồi lựu đạn, sản xuất dây da, bao súng, các xưởng may quân trang... cung cấp phần lớn nhu cầu của bộ đội. Các chi đội phát triển thành trung đoàn, liên trung đoàn rồi trung đoàn chủ lực, tổ chức nhiều cuộc chống càn thẳng lợi với quy mô lớn tại Đồng Tháp Mười, U Minh, Dương Minh Châu, Chiến khu Đ.

Sau thắng lợi biên giới, cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang bước ngoặt mới. Tháng 02-1951, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II tổ chức tại Chiến khu Việt Bắc đề ra nhiệm vụ tiếp tục đưa cuộc kháng chiến tiến tới thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Ngay sau Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Bộ Chính trị Ban Chấp hành

Trung ương Đảng họp với đoàn đại biểu Nam Bộ xác định những nhiệm vụ quan trọng trong thời gian sắp tới. Hội nghị chủ trương Nam Bộ cần gấp rút củng cố những căn cứ địa hiện có và lập thêm nhiều căn cứ địa mới. Ngoài các căn cứ địa của Xứ, khu, cần có căn cứ du kích của tỉnh, huyện. Hội nghị nhấn mạnh: “Trong việc lựa chọn căn cứ địa, chú ý những điều kiện sau đây: có nhân dân tốt, giác ngộ, có lương thực; có bộ đội chủ lực; có địa hình thuận lợi. Cần có căn cứ địa chính và căn cứ địa phụ. Mỗi khu cũng cần có căn cứ địa. Chú ý lập căn cứ địa ở vùng giáp với Cao Miên.”⁴

Tại Nam Bộ, sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, cơ quan Trung ương phân cục miền Nam thành lập (gọi tắt là Trung ương Cục miền Nam). Trung ương Cục chỉ đạo tổ chức lại chiến trường, sắp xếp lại lực lượng cho phù hợp với tình hình mới. Các khu được giải thể, 2 hoặc 3 tỉnh liên kế nhau nhập lại thành tỉnh mới, toàn Nam Bộ chia làm 2 phân liên khu miền Đông, miền Tây và Đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn. Cơ quan Trung ương Cục, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh, Bộ Tư lệnh Nam Bộ chuyển lên miền Đông, đứng chân tại Chiến khu Dương Minh Châu. Ngoài căn cứ chính của Nam Bộ là U Minh và Đồng Tháp Mười, Dương Minh Châu và Chiến khu Đ, các tỉnh, huyện đều thành lập căn cứ địa riêng. Đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn có căn cứ địa An Thành – Long Nguyên (Bến Cát – Thủ Dầu Một) và Rừng Sác (Liên Huyện – Bà Chợ). Ở Phân liên khu miền Đông: tỉnh Thủ Biên có Chiến khu Đ; tỉnh Gia Ninh có Dương Minh Châu; tỉnh Bà Chợ có Rừng Sác (Liên Huyện) và Xuyên Phước Cơ (Xuyên Mộc); tỉnh Mỹ Tân Gò (Mỹ Tho mới) và tỉnh Long Châu Sa dựa vào Đồng Tháp Mười. Ở Phân liên khu miền Tây: Long Châu Hà có Tân Hồng (khu vực 7 xã từ thị trấn Tân

Hồng dọc sông Tiền đến Bình Thành); tỉnh Vĩnh Long có Vũng Liêm (khu vực các xã Nhơn Chánh, Phước Hòa, Trung Thành, Tân Long Hội), Tam Bình (khu vực các xã Tân Thành, Thuận Thới, Vĩnh Xuân), Cái Ngang (khu vực các xã Hòa Long Hội; tỉnh Bến Tre có Thạnh Phú (khu vực các xã An Thạnh, Giao Thạnh, Thạnh Phong) và khu căn cứ ngã ba xã An Hóa. Các tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu đều có căn cứ địa riêng và dựa vào vùng giải phóng ở Bạc Liêu, U Minh. Trong điều kiện bị địch chia cắt, phong tỏa và hành quân càn quét quyết liệt của địch, quân và dân vùng căn cứ địa đã kiên cường bám trụ, chiến đấu bảo vệ các cơ quan kháng chiến, bảo vệ hệ thống kho tàng công xưởng, duy trì hành lang vận tải nối liền giữa các chiến trường, đặc biệt là tuyến giao thông vận tải mới từ Trung ương qua Liên khu 5 đến chiến trường Nam Bộ. Cán bộ, nhân dân nỗ lực khắc phục hậu quả trận bão lụt lịch sử năm 1952, khắc phục những biểu hiện lệch lạc trong thực hiện phương châm vùng du kích và vùng bị tạm chiếm, trong thực hiện chính sách tôn giáo vận, từng bước khôi phục, giữ vững phong trào kháng chiến.

Từ giữa năm 1953, trên chiến trường Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, quân và dân ta liên tiếp lập được những thành tích vang dội. Trung ương Đảng mở chiến cuộc Đông Xuân 1953 – 1954, đẩy thực dân Pháp lâm vào thế bị động về chiến lược. Ngày 21-9, nhân kỷ niệm ngày Nam Bộ kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Nam Bộ. Người viết: *“Suốt 8 năm kháng chiến anh dũng, Nam Bộ thật xứng đáng là bức tường đồng của Tổ quốc, bền bỉ chống cự thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và bè lũ Việt gian buôn dân bán nước.”*⁵. Người nhắc nhở: *“Đồng bào phải đoàn kết chặt chẽ, thi đua tăng gia sản xuất, ra sức tham gia kháng chiến; bộ đội*

phải thi đua chinh quân, tổ chức lưới du kích rộng khắp, tiêu hao tiêu diệt quân địch; cán bộ quân dân chính Đảng phải đoàn kết, tận tâm phục vụ nhân dân, phụng sự kháng chiến. Tiếp đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng gửi thư cho Trung ương Cục miền Nam, chỉ rõ: *“Nam Bộ kháng chiến còn lâu dài và khó khăn, rất xa chiến trường chính, nên việc củng cố và mở rộng căn cứ địa cũng là một nhiệm vụ trọng yếu căn bản. Nam Bộ hiện có 3 căn cứ: Bạc Liêu và Đồng Tháp là căn cứ đồng bằng, miền Đông là căn cứ rừng núi. Hướng xây dựng căn cứ địa Nam Bộ là: giữ vững và củng cố căn cứ Bạc Liêu và Đồng Tháp, tích cực củng cố phát triển căn cứ miền Đông...”*⁶.

Trong không khí náo nức phối hợp với chiến trường chính, “chuẩn bị đón lấy thời cơ mới”, quân và dân Nam Bộ hăng hái đẩy mạnh chiến tranh du kích, đẩy mạnh công tác địch vận và củng cố, mở rộng căn cứ địa. Trong những tháng đầu năm 1954, các căn cứ địa được mở rộng, và không ngừng phát triển về mọi mặt. Chiến khu U Minh mở rộng. Vùng giải phóng mở rộng giáp với 4 tỉnh Bạc Liêu – Rạch Giá – Cần Thơ – Sóc Trăng, bao gồm 11 huyện: Ngọc Hiển, Trần Văn Thời, Cà Mau, Giá Rai, Vĩnh Lợi, Hồng Dân, Long Mỹ, An Biên, Gò Quao, Giồng Riềng, Ô Môn. Chiến khu Đồng Tháp Mười mở rộng phía Nam xuống sát kênh Nguyễn Văn Tiếp, phía Đông ra tới ven sông Tiền, phía Tây ra ven sông Vàm Cỏ Đông, phía Bắc tiến lên đường số 1. Chiến khu Dương Minh Châu mở sang phía Đông sông Sài Gòn giáp với núi Cậu, chạy lên phía Bắc giáp với biên giới Campuchia. Chiến khu Đ phát triển phía Nam xuống giáp sông Đồng Nai, phía Bắc giáp đường 14, phía Tây giáp đường 16, liên tỉnh lộ 1A và phía Đông đến Tà Lài. Các căn cứ địa khác đều

được mở rộng, thông nối hành lang với nhau, tạo thành một mạng lưới liên hoàn, đan xen trên toàn chiến trường Nam Bộ. Trong các căn cứ địa, các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội diễn ra sôi nổi. Lực lượng vũ trang hành quân về vùng du kích, vùng tạm bị chiếm tiêu diệt đồn bót địch, hỗ trợ cho phong trào chiến tranh du kích và chiến tranh địch ngụy vận ở các địa phương. Tất cả tạo thành một khí thế tiến công mới, góp phần cùng quân và dân cả nước làm nên thắng lợi chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, đánh bại thực dân Pháp xâm lược.

Trong tác phẩm “Con đường giải phóng” do Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn và trực tiếp hoàn chỉnh và tiếp đó là tác phẩm “Cách đánh du kích”, Người đã chỉ rõ những nội dung cơ bản về xây dựng căn cứ địa và hoạt động chức năng của căn cứ địa trong khởi nghĩa giành chính quyền và chiến tranh cách mạng. Những nội dung ấy tiếp tục được Người phát triển trong quá trình chỉ đạo sự nghiệp kháng chiến của nhân dân ta. Những nội dung ấy cũng thể hiện sự cụ thể và sâu sắc trong các lời kêu gọi nhân dân Nam Bộ kháng chiến, trong các quyết sách, chỉ thị của Trung ương Đảng đối với chiến trường Nam Bộ thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, và tiếp đó, thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Ở chiến trường xa Trung ương, xuất phát từ đặc điểm cụ thể của địa bàn, Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ đã quán triệt đầy đủ sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo, đề ra nhiệm vụ và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng căn cứ địa cách mạng. Đó là thực tế không thể chối cãi, Joseph Buttinger trong “Việt Nam – con rồng vào trận” phải thừa

nhận khi đánh giá vai trò căn cứ địa của Việt Minh ở Nam Bộ: “Việc Pháp bắt lực không tiêu diệt được những căn cứ này của Việt Minh, cũng như không đối phó hữu hiệu được với hoạt động du kích, là nguyên nhân chủ yếu tại sao họ chẳng bao giờ có hy vọng thắng được trong cuộc chiến tranh này”⁷. Quả đúng như hai câu đầu của khổ thơ cuối bài “Học đánh cờ”: *Vốn trước hai bên ngang thế lực / Mà sau thắng lợi một bên giành*.

Ngày nay, những bài học kinh nghiệm về xây dựng hậu phương, căn cứ địa trong lịch sử dân tộc nói chung, trong cuộc kháng chiến chống Pháp nói riêng, vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân các tỉnh Nam Bộ đang nỗ lực xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế – xã hội, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, vùng căn cứ địa cách mạng cũ, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./

1. Hồ Chí Minh, *Con đường giải phóng, trích theo Khái niệm của căn cứ địa, Nghiên cứu nghệ thuật quân sự, Học viện quân sự cấp cao, 1993, tr.15.*

2. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, 1995, tr.77.

3. Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy, tập 2, Bộ Tổng tham mưu xuất bản, tr.195, 337.

4. Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy, tập 3, Bộ Tổng tham mưu xuất bản, tr.73.

5. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, 1996, tr.143.

6. Văn kiện quân sự của Đảng, tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, 1976, tr.508-509.

7. Joseph Buttinger, *Việt Nam – con rồng vào trận, Thư viện Quân đội Trung ương, T/88-10.691, tr.11.*